TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2019/DS-ST
Ngày: 10-04-2019
V/v tranh chấp khác về
dân sự và bồi thường thiệt hại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Ngọc Phương

2- Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 06 năm 2018 về "Tranh chấp khác về dân sự và bồi thường thiệt hại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: số 26/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* : Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm: 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 43D cư xá Phú Lâm D, phường 10, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông **Đinh Văn T**, sinh năm: 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 7/5B ấp 3, xã TQT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Võ Thị T**, sinh năm : 1976. Địa chỉ : Số 7/5B ấp 3, xã TQT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 04 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày như sau:

Ông T có xin phép Ủy ban nhân dân xã được cắm cọc bê tông và kéo lưới B40 trên ranh đất của ông T thuộc thửa 600, tờ bản đồ 14 (BĐĐC), tương ứng thửa 765, tờ bản đồ số 02 (Tài liệu 02/CT-UB) tại xã TQT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích 884m^2 (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 405986, số vào sổ

cấp GCN: CS 04575 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 05/02/2018). Nhưng đã bị ông Đinh Văn T ra ngăn cản không cho thi công, bắt ông T phải dời cọc sâu vào phần đất của ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu xin rút một phần đơn khởi kiện đối yêu cầu ông Đinh Văn T về việc bồi thường thiệt hại 20.000.000 đồng do ngăn cản việc làm hàng rào của ông T. Nay Ông T yêu cầu ông Đinh Văn T không được ngăn cản ông T cắm cọc, kéo lưới B40 trên phần đất của ông T giáp ranh đất với ông Đinh Văn T.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên và yêu cầu ông Đinh Văn T phải chịu chi phí đo đạc 6.086.850 đồng mà ông T đã bỏ ra thực hiện việc đo đạc.

Tại bản tự khai ngày 02/07/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn – ông Đinh Văn T trình bày như sau:

Nguyên vào năm 1998 cha ông Đinh Văn T có cho một phần đất giáp ranh với ông Nguyễn Minh T, ông Đinh Văn T đang ở và sử dụng cho đến nay. Vừa qua ông T có cắm ranh đất và nói ông Đinh Văn T lấn đất của ông T, trong khi ông Đinh Văn T không có lấn đất. Nếu có sai ông Đinh Văn T sẽ trả lại đất cho ông T.

Tại phiên Tòa ông Đinh Văn T và ông Nguyễn Minh T đã thỏa thuận xong việc cắm cột bê tông, xác định ranh đất, ông Đinh Văn T không đồng ý đóng bất cứ khoản chi phí, án phí nào thì ông Đinh Văn T mới chấp nhận ranh đất theo bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh mà Tòa án đã cho tiến hành đo đạc.

Tại bản tự khai ngày 19/07/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T trình bày như sau:

Bà Võ Thị T là vợ của ông Đinh Văn T và là người đồng sở hữu nhà ở, đất ở tại thửa 601, tờ bản đồ số 14 (BĐĐC), tương tứng một phần thửa 312, tờ bản đồ số 02 (Tài liệu 02/CT-UB), tổng diện tích 241,3m^2 tại địa chỉ 7/5B ấp 3, xã TQT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông Nguyễn Minh T tranh chấp ranh đất với vợ chồng ông Đinh Văn T, bà Võ Thị T thì bà Võ Thị T đồng ý và thống nhất với ý kiến của chồng. Ông Đinh Văn T được toàn quyền quyết định.

Tại phiên tòa bà Võ Thị T vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà Võ Thị T.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Chánh phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Qua tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp cho Tòa án và các chứng cứ Tòa án thu thập thì xác định ông T cắm cọc hàng rào nằm hoàn toàn trong diện tích đất mà ông T đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số CK 405986 cấp ngày 05/02/2018. Do đó, việc ông T yêu cầu ông Đinh Văn T không có hành vi ngăn cản ông T cắn cọc, kéo lưới B40 trên phần đất của ông T là có căn cứ. Ngày 04/12/2018 ông T xin

rút yêu cầu đòi ông Đinh Văn T bồi thường thiệt hại 20.000.000 đồng nên ghi nhận và đình chỉ yêu cầu này.

Bởi các lẽ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh T buộc ông Đinh Văn T không có hành vi ngăn cản ông T cắm cọc, kéo lưới B40 trên phần đất của ông T theo bản đồ hiện trạng, vị trí xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập. Về án phí: Ông Đinh Văn T phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp Luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ông Đinh Văn T Tân không được ngăn cản ông T cắm cột bê tông kéo lưới B40 trên phần đất của ông T giáp ranh đất với ông Đinh Văn T và ông Đinh Văn T bồi thường thiệt hại 20.000.000 đồng do ngăn cản ông T cắm cột, kéo lưới B40 trên phần đất của ông T. Đây là tranh chấp khác về dân sự và bồi thường thiệt hại được quy định tại khoản 6 và 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Đối tượng tranh chấp là hành vi ngăn cản thực hiện việc cắm cọc và làm hàng rào trên phần đất tọa lạc tại huyện Bình Chánh và bị đơn cư ngụ tại huyện Bình Chánh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà Võ Thị T vắng mặt tại phiên tòa và nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà Võ Thị T. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định là vẫn tiến hành xét xử.

[4] Do tranh chấp giữa các đương sự phát sinh vào thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thi hành. Do đó, Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật đất đai năm 2013 làm cơ sở giải quyết.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[5] Nguyên đơn - ông Nguyễn Minh T yêu cầu bị đơn – ông Đinh Văn T không được ngăn cản ông T cắm cọc, kéo lưới B40 trên phần đất của ông T giáp ranh đất với ông Đinh Văn T. Bị đơn phải chịu chi phí đo đạc 6.086.850 đồng.

Bị đơn – ông Đinh Văn T không đồng ý đóng bất cứ khoản chi phí, án phí nào thì bị đơn mới chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn không có hành vi ngăn cản nguyên đơn cắm cọc, kéo lưới B40 trên phần đất của nguyên đơn theo bản đồ hiện trạng, vị trí xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc sở Tài nguyên

và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp Luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 405986, số vào sổ cấp GCN: CS 04575 do Ủy ban nhân dân huyện Chánh cấp cho ông Nguyễn Minh T ngày 05/02/2018. Diện tích: 884m^2 thuộc thửa 600, tờ bản đồ 14 (BĐĐC) tương ứng thửa 765, tờ bản đồ số 02 (Tài liệu 02/CT-UB) tọa lạc tại xã TQT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh là hợp pháp được quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật đất đai năm 2013.

[8] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 614854, số vào sổ cấp GCN: CH 04718 do Ủy ban nhân dân huyện Chánh cấp cho ông Đinh Văn T và bà Võ Thị T ngày 13/07/2018. Diện tích: 1.198,7m^2 thuộc thửa 601, tờ bản đồ 14 (BĐĐC) tương ứng một phần thửa 312, tờ bản đồ số 02 (Tài liệu 02/CT-UB) tọa lạc tại xã TQT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh là hợp pháp được quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật đất đai năm 2013.

[9] Theo bản đồ hiện trạng, vị trí xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/09/2018 (Theo số hợp đồng: 12447/TTĐĐBĐ-VPĐD ngày 03/07/2018) thể hiện ranh thửa 600 (do ông nguyên đơn hướng dẫn ranh đo đạc) nằm hoàn toàn trên phần đất của nguyên đơn. Tại phiên Tòa bị đơn cũng thống nhất xác định ranh theo bản vẽ nêu trên là đúng ranh, hai bên đương sự đã thống nhất và có cắm cột bê tông phân ranh trước khi ra phiên tòa xét xử, nên Hội đồng xét xử ghi nhận các bên thống nhất ranh đất theo bản đồ hiện trạng nêu trên.

[10] Về chi phí, lệ phí đo đạc để ra bản đồ hiện trạng, vị trí xác định ranh, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu 6.086.850 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn đỏ) số 0046560 ngày 04/07/2018, còn các chi phí, lệ phí khác nguyên đơn không yêu cầu. Bị đơn không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét thấy sự việc các bên tự nguyện thỏa thuận và hợp tác trên tinh thần tự nguyện, thương lượng. Bị đơn đã có hành vi ngăn cản, không hợp tác cùng nguyên đơn thương lượng, chia sẽ chi phí đo đạc, để sự việc kéo dài, gây thiệt hại cho nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở đối với việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản của mình là phù hợp quy định tại Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, theo bản vẽ nguyên đơn đã xác định đúng ranh đất của mình. Do đó, cần buộc bị đơn phải chịu số tiền hợp đồng đo vẽ là 6.086.850 đồng (Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0046560 ngày 04/07/2018) cho nguyên đơn. Đây là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ đã được quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[11] Ngày 04/12/2018 nguyên đơn nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại 20.000.000 đồng do có hành vi ngăn cản nguyên đơn cắm cột, kéo lưới B40 trên phần đất của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết về yêu cầu bồi thường của nguyên đơn.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 6.086.850 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ tại khoản 16 Điều 3, Khoản 10 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 6 và 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 97, Điều 147, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T yêu cầu ông Đinh Văn T không được ngăn cản ông T cắm cọc kéo lưới B40 trên phần đất của ông T giáp ranh đất với ông Đinh Văn T. Bị đơn phải chịu chi phí đo đạc 6.086.850 đồng (Sáu triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

- Buộc ông Đinh Văn T không được ngăn cản ông Nguyễn Minh T cắm cọc kéo lưới B40 trên phần đất thuộc thửa 600, tờ bản đồ 14 (BĐĐC) tương ứng thửa 765, tờ bản đồ số 02 (Tài liệu 02/CT-UB) tọa lạc tại xã TQT, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh (Theo bản đồ hiện trạng, vị trí xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/09/2018. Số hợp đồng: 12447/TTĐĐBĐ-VPĐD ngày 03/07/2018).

- Buộc ông Đinh Văn T phải trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 6.086.850 đồng (Sáu triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi đồng) cho ông Nguyễn Minh T.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Minh T đòi ông Đinh Văn T bồi thường 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền.

- Trường hợp ông Đinh Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì ông Đinh Văn T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Ông Đinh Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Minh T 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA/2018/0005157 ngày 30/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ôn Kim Chi